

TAND HUYỆN YÊN THẾ

TỈNH BẮC GIANG

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 34/2017/DS-ST

Ngày 14- 9 - 2017.

V/v: Tranh chấp hợp đồng dân sự mua bán tài sản.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN YÊN THẾ - TỈNH BẮC GIANG

Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Xuân Thọ;

Các hội thẩm nhân dân:

1. Ông Đỗ Ngọc Thắng;

2. Ông Trần Hải Đăng.

Thư ký phiên tòa: Bà Hoàng Thị Kim Oanh, cán bộ toà án nhân dân huyện Yên Thế, tỉnh Bắc Giang.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Yên Thế tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Hải, Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 9 năm 2017, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Yên Thế, tỉnh Bắc Giang, xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 29/TLST – DS ngày 09 tháng 6 năm 2017 về việc “tranh chấp hợp đồng dân sự mua bán tài sản”, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 42/2017/QĐXXST - DS ngày 10 tháng 8 năm 2017, Quyết định hoãn phiên tòa số 49/2017/2017/QĐST – DS ngày 25 tháng 8 năm 2017 giữa các đương sự:

Nguyên đơn : Chị Trần T D, sinh năm: 1976 (Có mặt).

Địa chỉ: Thôn Đ, xã T H, huyện Yên Thế, tỉnh Bắc Giang.

Các đồng bị đơn :

1. Ông Vũ Đình V, sinh năm: 1964 (Vắng mặt).

2. Bà Nguyễn Thị M, sinh năm: 1967 (Có mặt).

Đều cùng địa chỉ: Bản Đ A, xã Đ T, huyện Yên Thế, tỉnh Bắc Giang.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

Anh Đỗ Đình T, sinh năm: 1976 (Vắng mặt).

Địa chỉ: Thôn Đ, xã T H, huyện Yên Thế, tỉnh Bắc Giang.

NỘI D VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 24 tháng 4 năm 2017, bản tự khai ngày 09 tháng 6 năm 2017, các tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án và lời khai tại phiên tòa, chị Trần T D trình bày: Gia đình chị kinh doanh thức ăn chăn nuôi, chị bán cám cho ông Vũ Đình V, bà Nguyễn Thị M từ năm 2011 theo hình thức trả chậm. Đến ngày 20 tháng 3 năm 2013 hai bên chốt sổ nợ tại “Hợp đồng mua bán thức ăn chăn nuôi gia súc - gia cầm”, bà Nguyễn Thị M ký nhận nợ số tiền 17.440.000đ (Mười bảy triệu bốn trăm bốn mươi nghìn đồng), hạn trả nợ cuối cùng là ngày 28 tháng 02 năm 2014. Chị đã nhiều lần yêu cầu thanh toán nhưng ông V, bà M không thanh toán. Ngày 05 tháng 6 năm 2017 chị D nộp đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Yên Thế giải quyết buộc ông V, bà M phải trả chị số tiền gốc là 17.440.000đ (Mười bảy triệu bốn trăm bốn mươi nghìn đồng), tiền lãi tạm tính từ ngày 20 tháng 3 năm 2013 đến ngày 20 tháng 4 năm 2017 theo lãi suất 0,75%/tháng x 49 tháng là 6.370.000đ (Sáu triệu ba trăm bảy mươi nghìn đồng), chị D yêu cầu tiếp tục tính lãi kể từ ngày 21 tháng 4 năm 2017.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 09 tháng 6 năm 2017 bà Nguyễn Thị M trình bày: Do có quan hệ quen biết với chị D nên từ năm 2011 bà có mua cám của chị D về chăn nuôi theo hình thức là mua trả chậm. Sau mỗi chu kỳ chăn nuôi trả tiền sau. Ngày 20 tháng 3 năm 2013 hai bên chốt sổ, bà thừa nhận còn nợ chị D số tiền là 17.440.000đ (Mười bảy triệu bốn trăm bốn mươi nghìn đồng) hạn thanh toán cuối cùng là ngày 28 tháng 02 năm 2014, đến hạn bà không có tiền thanh toán, hàng năm vào cuối năm chị D đều đến nhà yêu cầu thanh toán nhưng vợ chồng bà chỉ nhận nợ và hứa thanh toán nhưng vẫn không có tiền để thanh toán cho chị D được. Chị D khởi kiện yêu cầu vợ chồng bà phải liên đới trả 17.440.000đ (Mười bảy triệu bốn trăm bốn mươi nghìn đồng) bà đồng ý cùng ông V trả chị D số tiền 17.440.000đ (Mười bảy triệu bốn trăm bốn mươi nghìn đồng), bà không đồng ý trả lãi vì khi mua cám chị D đã có lãi.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 05 tháng 7 năm 2017 ông Vũ Đình V trình bày: Ông là chồng bà Nguyễn Thị M. Vợ chồng ông mua cám chăn nuôi của chị D từ năm 2011, vợ chồng ông còn nợ chị D 17.440.000đ (Mười bảy triệu bốn trăm bốn mươi nghìn đồng).Chị D khởi kiện yêu cầu ông và bà M liên đới trả cho chị D 17.440.000đ (Mười bảy triệu bốn trăm bốn mươi nghìn đồng) ông đồng ý trả nợ gốc, không đồng ý trả tiền lãi vì trong mỗi bao cám chị D bán đã có lãi 20.000đ (Hai mươi nghìn đồng).

Tại bản tự khai ngày 12 tháng 6 năm 2017 anh Đỗ Đình T trình bày: Anh là

chồng chị Trần T D, việc chị D bán hàng cho ông V, bà M anh có được biết ông V bà M còn nợ số tiền là 17.440.000đ (Mười bảy triệu bốn trăm bốn mươi nghìn đồng). Chị D khởi kiện anh đồng ý với yêu cầu khởi kiện của chị D, anh đề nghị Tòa án giải quyết vụ án đảm bảo quyền lợi cho vợ chồng anh.

Tại phiên tòa, chị D rút một phần yêu cầu khởi kiện, chị D chỉ yêu cầu ông V, bà M phải chịu lãi từ ngày 01 tháng 3 năm 2014 đến ngày xét xử sơ thẩm. Bà M không thay đổi quan điểm ban đầu, các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án.

Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 35; khoản 3 Điều 26; Điều 144; khoản 1 Điều 147; Điều 227; Điều 271, Điều 273 BLTTDS; Điều 280, khoản 1 Điều 281, Điều 298, khoản 2 Điều 305; Điều 428, Điều 438 BLTTDS năm 2005; Điều 37 Luật HNGĐ năm 2014; *Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án, xử:*

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Trần T D.
- Buộc ông Vũ Đình V, bà Nguyễn Thị M phải liên đới trả số tiền nợ gốc là 17.440.000.000 đồng và tiền lãi là 5.545.920 đồng. Tổng số tiền ông V, bà M phải trả bà D là 22.985.920 đồng.
- Về án phí: Miễn án phí cho ông V, bà M.
- Do yêu cầu của bà D được chấp nhận, bà D không phải chịu án phí DSST. Hoàn trả bà D số tiền 595.000 đồng đã nộp tạm ứng án phí do Chi cục Thi hành án dân sự huyện Yên Thế đã thu ngày 09/6/2017.

- Miễn án phí cho ông V, bà M. Hoàn trả bà D số tiền 595.000 đồng đã nộp tạm ứng án phí do Chi cục Thi hành án dân sự huyện Yên Thế, tỉnh Bắc Giang đã thu ngày 09 tháng 6 năm 2017.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ; Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Từ năm 2011 chị Trần T D có bán cám chăn nuôi cho bà Nguyễn Thị M, ông Vũ Đình V, tính đến ngày 20 tháng 3 năm 2013 chị D hai bên chốt sổ nợ và cùng thừa nhận, bà M, ông V còn nợ chị D 17.440.000đ (Mười bảy triệu bốn trăm bốn mươi nghìn đồng), hai bên thống nhất hẹn đến ngày 28 tháng 02 năm 2014 bà M phải trả nợ chị D. Đến hạn bà M, ông V không thanh toán, ngày 05 tháng 6 năm 2017 chị D khởi kiện yêu cầu bà M, ông V phải thanh toán số tiền gốc 17.440.000đ (Mười bảy triệu bốn trăm bốn mươi nghìn đồng), tiền lãi 0,75%/tháng tính từ ngày 20 tháng 3 năm 2013 cho đến ngày xét xử sơ thẩm.

Xét yêu cầu khởi kiện của chị Trần T D: Về số tiền bà M, ông V còn nợ tính đến ngày 20 tháng 3 năm 2013 là 17.440.000đ (Mười bảy triệu bốn trăm bốn mươi nghìn đồng) được các bên cùng thừa nhận, đây là tình tiết không phải chứng minh nên cần buộc bà M, ông V phải trả cho chị D 17.440.000đ (Mười bảy triệu bốn trăm bốn mươi nghìn đồng) là có căn cứ.

Về yêu cầu tính lãi suất của chị D: Tại phiên tòa, chị D rút yêu cầu tính lãi suất từ ngày 20 tháng 3 năm 2013 đến 28 tháng 02 năm 2014. Chị D chỉ yêu cầu bà M, ông V phải chịu lãi suất 0,75%/tháng /17.440.000đ (Mười bảy triệu bốn trăm bốn mươi nghìn đồng) từ ngày 01 tháng 03 năm 2014 đến ngày xét xử sơ thẩm. Xét yêu cầu tính lãi của chị D là phù hợp quy định tại Điều 305 Bộ luật dân sự năm 2005 nên cần chấp nhận. Số tiền lãi anh V, chị M phải chịu tính đến ngày xét xử sơ thẩm là 42 (Bốn mươi hai) tháng 12 (Mười hai) ngày được tính như sau: $17.440.000 \times 0,75\% / \text{tháng} = 130.800\text{đ} / \text{tháng} \times 42 \text{ tháng} + 12 \text{ ngày} = 5.545.920\text{đ}$ (Năm triệu năm trăm bốn mươi lăm nghìn chín trăm hai mươi đồng).

Án phí: Yêu cầu khởi kiện của chị D được chấp nhận nên chị D không phải chịu tiền án phí. Bà M, ông V là hộ cận nghèo nên được miễn án phí.

Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Từ nhận định trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, Điều 144; Khoản 1 Điều 147, Điều 227, Điều 271, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 280, khoản 1 Điều 281, Điều 298, khoản 2 Điều 305, Điều 428, Điều 438, Bộ luật dân sự năm 2005; Điều 37 Luật HNGĐ; Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14;

Xử: Buộc ông Vũ Đình V và bà Nguyễn Thị M phải trả phải liên đới trả cho chị Trần T D 17.440.000đ (Mười bảy triệu bốn trăm bốn mươi nghìn đồng) tiền gốc và 5.545.920đ (Năm triệu năm trăm bốn mươi lăm nghìn chín trăm hai mươi đồng) tiền lãi. Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự.

Về án phí: Miễn án phí cho ông Vũ Đình V, bà Nguyễn Thị M. Hoàn trả chị Trần T D 595.000đ (Năm trăm chín mươi lăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp ghi tại biên lai số AA/2012/02134 ngày 09 tháng 6 năm 2017 do Chi cục Thi hành án dân sự huyện Yên Thế thu;

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền

thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại điều 6, điều 7, điều 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Đương sự có mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết tại nơi cư trú cuối cùng./.

Nơi nhận

- TAND tỉnh Bắc Giang;
- VKSND tỉnh Bắc Giang;
- VKSND huyện Yên Thế;
- Chi cục THADS huyện Yên Thế;
- Các đương sự;
- Lưu.

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Xuân Thạo